

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 763/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh Lê Quang H, sinh năm 1978; CCCD số: 045078001606; Địa chỉ: Số C P, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Trần Thị Ngọc H1, sinh năm 1983; CCCD số: 046183014095; Địa chỉ: Số B T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 09-9-2024, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang H và chị Trần Thị Ngọc H1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 27/11/2007.

Qua hòa giải, vợ chồng thừa nhận không đoàn tụ được; hai bên thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[2] Về con chung: Anh H, chị H1 thừa nhận có 02 người con chung là các cháu Lê Thục N, sinh ngày: 05/02/2009 và Lê Quang T, sinh ngày: 02/01/2012. Trên cơ sở nguyện vọng của con, các đương sự thỏa thuận: Giao các cháu Lê Thục N và Lê Quang T cho chị Trần Thị Ngọc H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự thỏa thuận anh Lê Quang H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng để nuôi 02 cháu cháu Lê Thục N và Lê Quang T, mỗi cháu là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên là phù hợp quy định tại các Điều 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[3] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về lệ phí: Anh H, chị H1 thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình là tự nguyện, có căn cứ nên ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Quang H và chị Trần Thị Ngọc H1.

1.2. Về con chung: Giao các cháu Lê Thục N, sinh ngày: 05/02/2009 và Lê Quang T, sinh ngày: 02/01/2012 cho chị Trần Thị Ngọc H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Quang H cấp dưỡng định kỳ hàng tháng để nuôi 02 cháu cháu Lê Thục N và Lê Quang T, mỗi cháu là 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên.

Trường hợp bên có nghĩa vụ vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.4. Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Quang H và chị Trần Thị Ngọc H1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004696 ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh H, chị H1 đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- UBND phường Thuận Hòa, tp Huế;
- Lưu HSVA;
- Lưu Án văn; HCTP.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Như Thuần**